

**CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ PTL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIAO NHẬN HÀNG HÓA QUỐC TẾ PTL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PTL INTERNATIONAL FORWARDING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107378073

**3. Ngày thành lập:** 31/03/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 13, ngách 18, ngõ 101 phố Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974.650.048

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5021        |
| 2.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5022        |
| 3.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210        |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5221        |
| 5.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5224        |
| 6.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá.<br>Dịch vụ đại lý vận tải đường biển<br>Dịch vụ đại lý vận tải tàu biển | 5229(Chính) |
| 7.  | Chuyển phát                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5320        |
| 8.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt;<br>- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;<br>- Bán buôn nhựa tổng hợp, dầu thơm và hương liệu                                                                                                                                                                                 | 4669        |
| 9.  | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4690        |
| 10. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4719        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                     |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 11. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771                                                                |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4610                                                                |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4641                                                                |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4649                                                                |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651                                                                |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652                                                                |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659                                                                |
| 18. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hoa, cây cảnh<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt<br>Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh<br>Bán lẻ động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh;<br>Bán lẻ hàng hóa sử dụng để lau chùi, quét dọn, làm vệ sinh như chổi, bàn chải, giẻ lau...; | 4773                                                                |
| 19. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791                                                                |
| 20. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức khác chưa kể ở trên như: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ;<br>- Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).                                                                                                                                             | 4799                                                                |
| 21. | Vận tải hàng hóa đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4912                                                                |
| 22. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4933                                                                |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;                                                                                                                                                                                                                                           | 8299                                                                |
| 24. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310                                                                |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7710                                                                |
| 26. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7729                                                                |
| 27. | (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                          | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: 163159043

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 9.2, Xã Việt Hùng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 13 ngách 18 ngõ 101 phố Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

© 2006 The Authors  
Journal compilation © 2006 Blackwell Publishing Ltd

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 03/09/1991      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: 163159043

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 9.2, Xã Việt Hùng, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: Số 13 ngách 18 ngõ 101 phố Hào Nam, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội